

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 09/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 06 - 3 - 2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia
tài sản khi ly hôn, tranh chấp hợp
đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thế Xương

Các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Ông Lê Văn Phận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 02/2020/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án hôn nhân sơ thẩm số: 116/2019/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Ngọc Y, sinh năm: 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về phần tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Phước V, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Công M, sinh năm: 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thành Y, sinh năm: 1958 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Chị Phan Thị Đ, sinh năm: 1971 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp x, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

4. Anh Phan Văn H, sinh năm: 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn Phan Thị Ngọc Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc Y trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh M chung sống với nhau vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hưng, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Trong thời kỳ hôn nhân chị Y và anh M chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 7 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã. Chị Y và anh M sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng từ khi con chung được 18 tháng tuổi cho đến nay.

Chị Y thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy chị Y làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Y được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Chị Y khai, chị Y và anh M có 01 người con chung tên là Nguyễn Ngọc Thúy V, sinh ngày 09/7/2017 hiện đang chung sống với chị Y, chị Y yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Y yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung:

Phần đất có diện tích 5.790m² thuộc thửa 30 tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre do anh M đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 03 con bò do anh M đang quản lý. Chị Y yêu cầu chia đôi tài sản chung. Chị Y yêu cầu anh M hoàn lại giá trị cho chị Y giá trị bằng tiền là 180.000.000 đồng. Anh M được quyền sở hữu tất cả các tài sản chung.

Về nợ chung: Chị Y khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Công M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh M thừa nhận lời trình bày của chị Y về điều kiện kết hôn và thời gian chung sống của vợ chồng, nay trước yêu cầu xin ly hôn của chị Y anh M đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên là Nguyễn Ngọc Thúy V, sinh ngày 09/7/2017 hiện đang chung sống với chị Y, anh M đồng ý để cho chị Y tiếp tục nuôi con chung cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh M tự nguyện

cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung:

Anh M thừa nhận vợ chồng có tài sản chung gồm: Phần đất có diện tích 5.790m² thuộc thửa 30 tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre do anh M đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 03 con bò do anh M đang quản lý. Anh M đồng ý chia tài sản chung, anh M được quyền sở hữu tài sản chung, anh M đồng ý hoàn lại cho chị Y phân nửa giá trị bằng tiền là 180.000.000 đồng.

Ngoài ra anh M có yêu cầu phản tố đối với phần tài sản chung do chị Y đang quản lý gồm: 02 con bò; 06 con dê; 14 chỉ vàng 24K (trong đó 01 đôi bông tai 01 chỉ, 02 chiếc lắc 06 chỉ, 01 sợi dây chuyền 06 chỉ, 01 chiếc nhẫn 01 chỉ) và 300.000.000 đồng gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Thạnh Phú do chị Y đứng tên. Anh M yêu cầu chia đôi tài sản chung.

Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh M có vay của ông Nguyễn Thành Y 220.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn T 80.000.000 đồng, tổng cộng là 300.000.000 đồng. Mục đích vay tiền là để mua phần đất có diện tích 5.790m² thuộc thửa 30 tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre. Nay anh M yêu cầu chị Y phải có nghĩa vụ liên đới cùng anh M trả cho ông Nguyễn Thành Y 220.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn T 80.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn H trình bày:

Vào năm 2015 anh H có mua 02 con bò nái, 02 con bò này có đặc điểm là: 01 con màu vàng và 01 con màu kem, hiện nay 02 con bò này anh H vẫn đang nuôi. Anh M cho rằng 02 con bò này là tài sản chung của anh M và chị Y anh H không đồng ý, 02 con bò này là tài sản riêng của anh H. Nay anh M yêu cầu chi đôi tài sản chung là 02 con bò của anh H thì anh H không đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Đ trình bày:

Chị Đ là chị ruột của chị Y, trong thời gian chị Đ đi Hàn Quốc chị Đ có nhiều lần gửi tiền cho chị Y với số tiền là 300.000.000 đồng để nhờ chị Y đứng tên tài khoản giữ tiền để sau này chị Đ dưỡng già. Vào tháng 6/2019 chị Y đã trả lại cho chị Đ 300.000.000 đồng. Nay chị Y và anh M ly hôn chị Đ không có yêu cầu đòi lại số tiền này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành Y trình bày:

Vào ngày 27/11/2017 ông Y có cho anh M vay 220.000.000 đồng, khi cho vay có làm giấy tờ, lãi suất 3%/tháng. Hai bên thỏa thuận khi nào mua đất xong, anh M có sổ đỏ vay tiền ngân hàng trả tiền lại cho ông Y. Quá trình thực hiện hợp

đồng anh M vẫn không đóng lãi và trả tiền gốc cho ông Y. Nay vợ chồng anh M, chị Y ly hôn, ông Y có yêu cầu độc lập, ông Y yêu cầu anh M, chị Y có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Y 220.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T trình bày:

Vào ngày 20/3/2018 anh T có cho anh M vay 80.000.000 đồng, khi cho vay có làm giấy tờ, lãi suất 1%/tháng, thời hạn thanh toán là 01 năm. Quá trình thực hiện hợp đồng anh M vẫn không đóng lãi và trả tiền gốc cho anh T. Nay vợ chồng anh M, chị Y ly hôn, anh T có yêu cầu độc lập, anh T yêu cầu vợ chồng anh M, chị Y có nghĩa vụ liên đới trả cho anh T 80.000.000 đồng, anh T không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án giữa chị Y và anh M thỏa thuận giá trị tài sản chung quyền sử dụng đất diện tích 5.790m² thuộc thửa 30 tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre là 300.000.000 đồng, bò có giá trị 20.000.000 đồng/1con, dê có giá trị 2.250.000 đồng/1con.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 116/2019HNGĐ-ST ngày 18/11/2019 đã quyết định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Ngọc Y và anh Nguyễn Công M.

[2] Về con chung: Chị Phan Thị Ngọc Y và anh Nguyễn Công M có 01 người con chung tên là: Nguyễn Ngọc Thúy V, sinh ngày: 09/7/2017.

Giao cháu Nguyễn Ngọc Thúy V cho chị Phan Thị Ngọc Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc Thúy V thành niên (Đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận anh Nguyễn Công M tự nguyện đóng góp nuôi con với chị Phan Thị Ngọc Y số tiền là 745.000 đồng/tháng (*Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng một tháng*) cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc Thúy V thành niên (đủ 18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 18/11/2019.

Anh Nguyễn Công M không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị Phan Thị Ngọc Y.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Công M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Công M không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Phan Thị Ngọc Y có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Nguyễn Công M.

Anh Nguyễn Công M cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được

nuôi con của chị Phan Thị Ngọc Y.

Chị Phan Thị Ngọc Y cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Công M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung:

Anh Nguyễn Công M được quyền sử dụng và sở hữu phần đất có diện tích 5.790m² thuộc thửa 30 tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre do anh Nguyễn Công M đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 03 con bà do anh Nguyễn Công M đang quản lý trị giá 360.000.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi triệu đồng*).

Chị Phan Thị Ngọc Y được quyền sở hữu 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) và 03 cho dê do chị Y đang quản lý trị giá 306.750.000 đồng (*Ba trăm lẻ sáu triệu bảy trăm năm mươi đồng*).

Buộc anh Nguyễn Công M phải hoàn lại cho chị Phan Thị Ngọc Y số tiền chênh lệch là 26.625.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi lăm đồng*).

[4] Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Công M về việc yêu cầu chia tài sản chung là 02 con bò, 03 con dê, 14 chỉ vàng 24K.

[5] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Thành Y và anh Nguyễn Văn T.

Buộc anh Nguyễn Công M và chị Phan Thị Ngọc Y có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thành Y 220.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi triệu đồng*).

Buộc anh Nguyễn Công M và chị Phan Thị Ngọc Y có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*).

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/11/2019 nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc Y kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị đơn không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên

đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Phan Thị Ngọc Y khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Công M, yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu chia tài sản chung. Ông Nguyễn Văn Y và anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Công M và chị Phan Thị Ngọc Y trả tiền vay. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Y, đồng thời giải quyết vấn đề về con chung, chia tài sản chung, nợ chung và yêu cầu độc lập của những người liên quan. Tuy nhiên, không đồng ý với kết quả xét xử sơ thẩm đối với phần tài sản chung và nợ chung nên chị Phan Thị Ngọc Y có kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của chị Y đối với phần tài sản chung là số tiền 300.000.000 đồng chị gửi Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam thấy rằng: Chị cho rằng đây không phải là tài sản chung của vợ chồng, cũng không phải là tài sản riêng của chị mà của chị Phan Thị Đ gửi cho chị đứng tên giữ. Hiện nay chị đã rút ra toàn bộ số tiền này để trả lại cho chị Đ nên chị không đồng ý chia đôi số tiền này cho anh M. Thấy rằng, tại công văn trả lời của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Thạnh Phú thì ngày 26/6/2018 chị Y có mở sổ tiết kiệm bằng tiền mặt với số tiền là 300.000.000 đồng, kỳ hạn 13 tháng. Đến ngày 14/6/2019 thì chị Y rút trước hạn toàn bộ số tiền này gồm tiền gốc và lãi là 300.590.100 đồng. Như vậy, tại phiên tòa sơ thẩm chị Y cho rằng số tiền này là do chị Đ chuyển khoản ATM cho chị, sau đó từ tài khoản ATM chuyển vào sổ tiết kiệm là không có căn cứ. Ngoài ra chị cũng không có chứng cứ nào khác để chứng minh đây không phải là tài sản chung của chị và anh M; chị Phan Thị Đ cho rằng có gửi cho chị Y số tiền này để chị Y giữ giữ nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên yêu cầu của chị là không có cơ sở xem xét. Do đó, đây được xác định là tài sản chung của anh chị nên chị Y có nghĩa vụ trả cho anh M ½ số tiền này như bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp. Kháng cáo của chị Y không có căn cứ nên không

được chấp nhận.

[2] Đối với phần nợ chung chị Y có kháng cáo không đồng ý cùng anh M trả cho ông Nguyễn Thành Y số tiền nợ 220.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn T số tiền nợ 80.000.000 đồng, thấy rằng: Ngày 27/11/2017 ông Y có cho anh M vay số tiền 220.000.000 đồng, ngày 20/3/2018 anh Nguyễn Văn T có cho anh M vay số tiền 80.000.000 đồng, mục đích là để mua đất thửa 30, tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại ấp Thạnh Trị, thị trấn Thạnh Phú, huyện Thạnh Phú giá 300.000.000 đồng. Thấy rằng, khoản tiền mà anh T cho anh M vay là vay trong thời gian mua đất của ông Đức, và đất này do anh M là người trực tiếp giao dịch mua và nhận chuyển nhượng từ ông Đức. Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia phần đất này nên việc buộc chị Y có nghĩa vụ liên đới cùng anh M trả cho anh T số tiền nợ góp phần hình thành nên việc mua bán đất là phù hợp. Riêng đối với số tiền mà ông Y cho anh M vay 220.000.000 đồng là cho mượn từ trước thời điểm mua bán đất đến gần 01 năm (mua đất năm 2018 nhưng việc cho vay từ cuối năm 2017); ngoài ra anh cũng không chứng minh được tiền anh mượn của ông Y là để đưa cho cha mẹ anh mua thửa đất nêu trên. Do đó, không có cơ sở cho rằng số tiền này anh M vay là để mua đất, vì vậy việc buộc chị Y và anh M có nghĩa vụ liên đới cùng trả cho ông Y số tiền này là không phù hợp. Kháng cáo của chị Y là có căn cứ nên được chấp nhận một phần. Sửa bản án sơ thẩm về phần nợ chung: Buộc anh Nguyễn Công M có nghĩa vụ trả cho ông Y số tiền 220.000.000 đồng, buộc anh M và chị Y có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 80.000.000 đồng, đồng thời điều chỉnh lại phần án phí sơ thẩm cho phù hợp.

[3] Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên chị Phan Thị Ngọc Y không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc Y.

Sửa bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 116/2019/HNGĐ-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 27, 37, 51, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 288, 357, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Ngọc Y và anh Nguyễn Công M.

[2] Về con chung: Chị Phan Thị Ngọc Y và anh Nguyễn Công M có 01 người con chung tên là: Nguyễn Ngọc Thúy V, sinh ngày: 09/7/2017.

- Giao cháu Nguyễn Ngọc Thúy V cho chị Phan Thị Ngọc Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc Thúy V thành niên (Đủ 18 tuổi).

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận anh Nguyễn Công M tự nguyện đóng góp nuôi con với chị Phan Thị Ngọc Y số tiền là 745.000 đồng/tháng (*Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng một tháng*) cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc Thúy V thành niên (đủ 18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 18/11/2019.

Anh Nguyễn Công M không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị Phan Thị Ngọc Y.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Công M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Công M không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Phan Thị Ngọc Y có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Nguyễn Công M.

Anh Nguyễn Công M cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của chị Phan Thị Ngọc Y.

Chị Phan Thị Ngọc Y cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Công M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung:

- Anh Nguyễn Công M được quyền sử dụng và sở hữu phần đất có diện tích 5.790m² thuộc thửa 30 tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre do anh Nguyễn Công M đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 03 con bà do anh Nguyễn Công M đang quản lý trị giá 360.000.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi triệu đồng*).

- Chị Phan Thị Ngọc Y được quyền sở hữu 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) và 03 cho dê do chị Y đang quản lý trị giá 306.750.000 đồng (*Ba trăm lẻ sáu triệu bảy trăm năm mươi đồng*).

- Buộc anh Nguyễn Công M phải hoàn lại cho chị Phan Thị Ngọc Y số tiền chênh lệch là 26.625.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi lăm đồng*).

[4] Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Công M về việc yêu cầu chia tài sản chung là 02 con bò, 03 con dê, 14 chỉ vàng 24K.

[5] Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Thành Y; chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Văn T.

Buộc anh Nguyễn Công M có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thành Y 220.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi triệu đồng*).

Buộc anh Nguyễn Công M và chị Phan Thị Ngọc Y có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*).

[6] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[7] Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Buộc chị Phan Thị Ngọc Y phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Phan Thị Ngọc Y đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0001535 ngày 02/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Chị Phan Thị Ngọc Y đã nộp đủ án phí.

- Về án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ: Buộc anh Nguyễn Công M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc anh Nguyễn Công M phải chịu: 16.668.750 đồng (*Mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng*). Nhưng được khấu trừ vào số

tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Công M đã nộp là 4.962.000 đồng (*Bốn triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0003574 ngày 17/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Anh Nguyễn Công M phải tiếp tục chịu: 11.706.750 đồng (*Mười một triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm năm mươi đồng*).

Buộc chị Phan Thị Ngọc Y phải chịu: 16.668.750 đồng (*Mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng*). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Phan Thị Ngọc Y đã nộp là 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0001536 ngày 02/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Chị Phan Thị Ngọc Y phải tiếp tục chịu: 12.168.750 đồng (*Mười hai triệu một trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng*).

- Buộc anh Nguyễn Công M có nghĩa vụ chịu: 11.000.000 đồng (*Mười một triệu đồng*).

- Buộc anh Nguyễn Công M và chị Phan Thị Ngọc Y có nghĩa vụ chịu: 4.000.000 (*Bốn triệu đồng*).

Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 (*Hai triệu đồng*) theo biên lai thu số: 0003473 ngày ngày 17/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

- Án phí phúc thẩm: Hoàn lại cho chị Phan Thị Ngọc Y 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0007848 ngày 28/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại, các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I TANDTC;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thế Xương

